

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH	vii
CHƯƠNG I	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ	1
1.1 Tên chủ cơ sở	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	4
1.3.1. Công suất của cơ sở:	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	4
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư	6
1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	9
1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất	9
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	10
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	11
1.4.4. Nhu cầu hóa chất.....	13
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án	13
1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN	13
1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư mở rộng	14
1.5.3. Thời gian xây dựng và thời gian hoạt động.....	14
1.5.4. Nhu cầu về lao động	14
1.5.5. Tiêu thụ sản phẩm.....	14
1.5.6. Cây xanh	15

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang i

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5.7. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án.....	16
CHƯƠNG II.....	17
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	17
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.	17
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	17
CHƯƠNG III	19
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	19
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	19
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	20
3.1.3. Xử lý nước thải	21
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	22
3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.....	22
3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất.....	23
3.2.3. Đối với khí thải từ lò sấy	31
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	33
3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt.....	33
3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường	35
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	36
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	38
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	39
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	40
3.8. Các nội dung thay đổi so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.....	41

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG IV	43
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	43
4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải	43
4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	43
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải	43
4.2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải tối đa	44
4.2.3. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải	44
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	48
4.4. Yêu cầu quản lý chất thải	48
4.4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt	48
4.4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	49
4.4.3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại	49
CHƯƠNG V	51
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	51
5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:	51
CHƯƠNG VI	55
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	55
6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của dự án	55
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	55
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	55
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	57
6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ	57
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	57
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường	57
CHƯƠNG VII	59

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang iii

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	59
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	59
CHƯƠNG VIII	60
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	60
PHỤ LỤC	61

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
KCN	: Khu công nghiệp
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình tại nhà máy.....	3
Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy.....	6
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại nhà máy	10
Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu dùng nước	12
Bảng 1. 5. Nhu cầu hóa chất sử dụng	13
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi chuyên tinh chế - Chi tiết thẳng ...	24
Bảng 3. 2. Thông số của hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi sơn.....	30
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4,5 tấn/giờ.....	32
Bảng 3. 4. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường.....	35
Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động	37
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01 - 12	45
Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 13	47
Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	49
Bảng 4. 4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh	49
Bảng 5. 1. Kết quả môi trường không khí năm 2023	52
Bảng 5. 2. Kết quả phân tích khí thải lò sấy của nhà máy	54
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	55
Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu.....	55
Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	57

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí dự án.....	2
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ	5
Hình 1. 3. Dải cây xanh tại khu vực nhà máy	15
Hình 1. 4. Sơ đồ tổ chức quản lý của dự án.....	16
Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy	19
Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa hiện hữu xung quanh nhà máy.....	20
Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy.....	20
Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của dự án	21
Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại	22
Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ	24
Hình 3. 7. Hệ thống thu gom và xử lý bụi nhà xưởng.....	30
Hình 3. 8. Sơ đồ xử lý khói thải	31
Hình 3. 9. Hệ thống xử lý khói thải lò đốt.....	33
Hình 3. 10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt.....	34
Hình 3. 11. Thùng chứa chất thải sinh hoạt.....	35
Hình 3. 12. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.....	38

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Trường Sơn
- Địa chỉ: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện: (Ông) Bùi Đức Tính
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 02563.741.307
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100375433 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2000, thay đổi lần thứ 07 ngày 04 tháng 11 năm 2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

1.2. Tên cơ sở

“Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”

(Sau đây gọi tắt là Dự án hoặc Nhà máy)

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vị trí tiếp giáp của các khu vực sau:

- Phía Đông tiếp giáp: Đường Trung Tâm KCN;
- Phía Tây tiếp giáp: Cơ sở chế biến đá;
- Phía Nam tiếp giáp: Đường số 23;
- Phía Bắc tiếp giáp: Công ty TNHH Hoàng Tâm.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 1. 1. Vị trí dự án

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AP 612561, số vào sổ cấp GCN số T01631, tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 43 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 27/08/2009.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định là cơ quan phê duyệt thiết kế xây dựng và các loại thủ tục liên quan đến dự án đầu tư như sau:

+ Phiếu xác nhận bản đăng ký Đạt tiêu chuẩn môi trường số 667/STN&MT ngày 06/05/2004 của Dự án: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định cấp.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 525402155900203 cấp ngày 30/09/2009 do Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

- Quy mô dự án đầu tư của dự án:

+ Căn cứ vào khoản 3, Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Dự án “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Trường Sơn có tổng vốn đầu tư tại thời điểm hiện tại là 35.607.000.000 đồng thuộc Dự án nhóm C.

+ Quy mô đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của dự án:

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình tại nhà máy

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
1	Xưởng đóng gói hoàn thiện	m ²	4.071,60
2	Xưởng lắp ráp – nguội	m ²	3.159,00
3	Xưởng sản xuất	m ²	3.072,93
4	Xưởng phun sơn + Khu nhà vệ sinh công nhân	m ²	964,80
5	Nhà làm việc + Khu nhà vệ sinh văn phòng	m ²	217,60
6	Nhà hút bụi số 2	m ²	117,20
7	Nhà vệ sinh số 1	m ²	112,00
8	Xưởng cưa CD	m ²	1.108,36
9	Dãy lò sấy số 2	m ²	1.072,02
10	Trục giao ban + khu vệ sinh số 2	m ²	63,30
11	Dãy lò sấy số 1	m ²	1.457,75
12	Nhà hút bụi số 1	m ²	24,00
13	Căn tin hiện trạng	m ²	362,07
14	Bồn cấp nước PCCC	m ²	138,00
15	Nhà bảo vệ	m ²	16,00
16	Nhà xe công nhân số 1	m ²	144,60
17	Kho gỗ sấy	m ²	1.266,00
18	Nhà làm việc 2 tầng (dự kiến xây mới)	m ²	250,00
19	Kho gỗ sấy (dự kiến xây mới)	m ²	520,00

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất của cơ sở:

- Căn cứ theo Hợp đồng bổ sung số 21B/2017/HĐBS – TLĐ – A ngày 08/09/2017 thì Xưởng sản xuất chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của công ty TNHH Trường Sơn được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 30.030,50 m² với quy mô công suất:

+ Gỗ xẻ: 6.015 m³ gỗ/năm

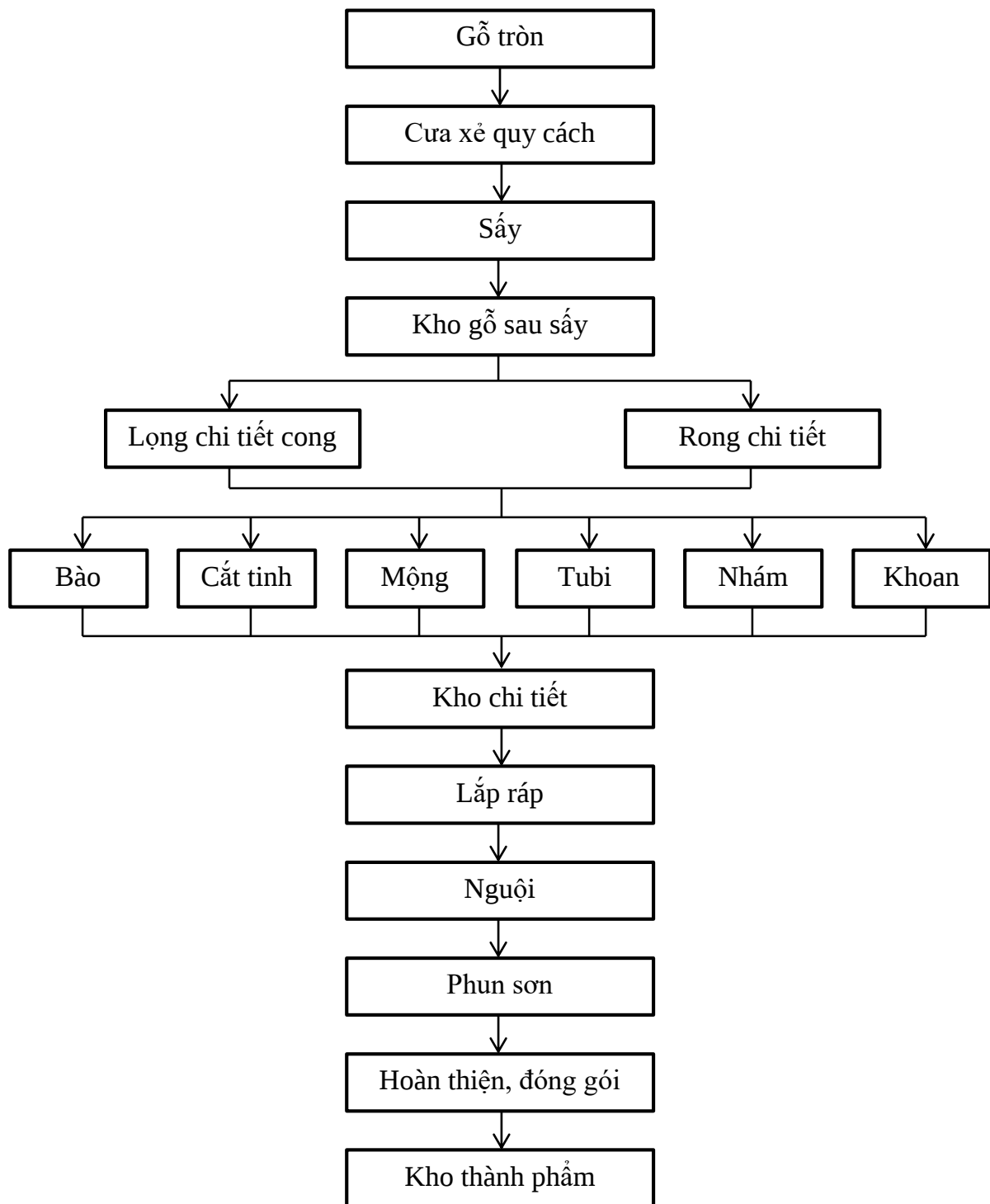
+ Gỗ tròn: 7.085 m³/năm

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

- Trong sản xuất chế biến gỗ thì quy trình sản xuất luôn là điều quan trọng quyết định đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Để cho ra những sản phẩm tốt dự án đã nghiên cứu và đưa ra quy trình chuẩn để đầu tư, nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm từ gỗ như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

➤ **Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:**

- Nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất của Công ty TNHH Trường Sơn là các loại gỗ thô được nhập khẩu từ nhiều nước như : Malaysia, Indonesia, Nam Phi, Nam Mỹ, ... và mua lại của các công ty có chức năng khai thác trong nước.

- Nguyên liệu sau khi nhập về sẽ được tập kết tại bãi phơi nguyên liệu, tùy theo số lượng và loại sản phẩm cần sản xuất thì một lượng nguyên liệu gỗ thô sẽ được chuẩn bị. Ban đầu nguyên liệu gỗ được cưa xẻ theo quy cách, sau đó chuyển đến khu vực sấy với mục đích tạo cho gỗ có độ ẩm 12 – 14% để thuận tiện cho quá trình thi công chế tác. Khi đạt đến độ ẩm quy định thì gỗ được chuyển đến khu vực gia công chế tác (khu vực sản xuất) để tạo các bộ phận chi tiết cho từng loại sản phẩm. Tiếp đến các chi tiết gỗ sẽ được định hình sản phẩm tại khu lắp ráp, làm nguội hoàn chỉnh, sau đó sản phẩm được đưa qua khu vực phun sơn và nhúng dầu bóng tạo sự sắc sảo cho sản phẩm và đóng gói thành phẩm. Sản phẩm hoàn thành sẽ được KCS kiểm tra chất lượng sản phẩm và số lượng rồi mới nhập kho hoặc xuất thành phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Đồ gỗ nội, ngoại thất làm từ gỗ có nguồn gốc nội địa hoặc nhập khẩu, sản xuất và xuất khẩu đến thị trường nước ngoài : Châu Âu, Mỹ....

1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất

Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhà cung cấp	Tình trạng
1	Cưa lọng SF-226	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
2	Máy bào bốn mặt SYC-620	1	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
3	Máy bào thẩm WJ-312	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
4	Máy bào cuốn WP-24	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
5	Máy tu bi 1 trục LS 101	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
6	Máy tu bi 2 trục RL-209	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhà cung cấp	Tình trạng
7	Máy bào 2 trục 5HP TS220	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
8	Máy khoan hình ovan thủy lực	1	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
9	Máy bào 2 mặt EC-610S	1	Cửa hàng Vĩ Đại	80%
10	Máy cắt mộng dương YRT-115	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
11	Máy ép nan	2	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
12	Máy mộng dương 2 đầu tự động YRT-D100	1	Cửa hàng Vĩ Đại	70%
13	Máy chà nhám thùng 1,3m DA-5275	1	Cửa hàng Vĩ Đại	80%
14	Máy phay 2 đầu RH-66A	1	Cửa hàng Vĩ Đại	80%
15	Máy nén trục vis 50HD	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
16	Máy làm mộng ovan Yom 120	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	95%
17	Máy cưa Ripsaw SRS 300	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
18	Máy chà nhám thùng 6 tác SY-2560RP	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
19	Máy bào 2 mặt 6cm GT-610AD	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
20	Máy bào bốn mặt W17A	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	90%
21	Máy cưa gỗ oval-32	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	90%
22	Máy chà nhám cong – GT506U4	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
23	Máy mộng Finger FSM 460CS 15	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 7

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhà cung cấp	Tình trạng
24	Máy mộng âm CNC MSX2538 X5	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	90%
25	Máy cưa bàn trượt MJ6116TD	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
26	Máy chà nhám thùng SY2560RP	2	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
27	Máy làm mộng oval dương CNC MDS 150	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
28	Máy cưa rong lưỡi dưới	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
29	Máy nén khí trục vis 50HP	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
30	Máy cưa Ripsaw MJ163	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
31	Máy làm mộng CNC 3 đầu SX3-1200	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	95%
32	Máy chà nhám chổi RMS 1300 R6	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
33	Máy bào 4 mặt VH-M516	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
34	Máy làm mộng CNC 3 đầu SDC – SC3 - 1200	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
35	Máy cưa Ripsaw	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	70%
36	Máy cưa MJ5068	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	75%
37	Máy chà nhám thùng RWS630R-RP	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	75%
38	Máy làm mộng 2 đầu 4 trục NC MDK – 2212B	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	75%

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nhà cung cấp	Tình trạng
39	Máy cưa Ripsaw RMJ 163	2	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
40	Máy tiện MC2036	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
41	Máy router CNC 4 đầu R – 1325F	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	80%
42	Máy sấy khí IDS – 75AC	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	95%
43	Máy cắt ngang MJ276	2	Cửa hàng Tân Đại Phú	95%
44	Máy mộng âm CNC 3 đầu SX+B156-1500	2	Cửa hàng Tân Đại Phú	95%
45	Máy mộng âm CNC 4 đầu	1	Cửa hàng Tân Đại Phú	95%
46	Buồng hút bụi	1	Công ty TNHH Trường Phước	80%
47	Tháp xử lý bụi sơn	1	Công ty TNHH Trường Phước	90%
48	Xe nâng Komatsu FD35-4	1		80%
49	Xe nâng FB15 - 12	1		80%
50	Xe nâng Nissan YF03	1		80%
51	Xe nâng Komatsu FD30-2	1		80%
52	Xe nâng TCM FD 25	1		80%

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất

a. Nguyên liệu gỗ sản xuất:

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Gỗ tròn và gỗ xẻ được nhập khẩu 90% từ các nước:
- + Gỗ xẻ, gỗ tròn nhập từ các tỉnh: Quảng Nam, Phú Yên, Quảng Trị....
- + Gỗ tròn nhập bằng đường biển qua Cảng Quy Nhơn: gỗ bạch đàn (URUGUAY)
- Ước tính nhu cầu khoảng: 7.085m³ gỗ tròn/năm; 6.015 m³ gỗ xẻ/năm.

b. Nguyên phụ liệu cho sản xuất gỗ

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại nhà máy

STT	Nguyên liệu	Đơn vị/năm	Số lượng
1	Ốc vít + bulon	Con	6.000.000
2	Bao bì	Thùng	102.000
3	Giấy nhám	Cuộn	300

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

- Nguồn cung cấp: nhập từ các xưởng sản xuất trong nước ở khu vực Quy Nhơn, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

c. Nhiên liệu sử dụng cho lò sấy:

- Công ty đầu tư, lắp đặt 01 lò hơi 4,5 tấn/h để sấy gỗ, sử dụng nguồn bụi từ nhà chứa bụi và củi gỗ phế thải từ quá trình chế biến của nhà máy để làm nguồn nhiên liệu đốt cho hệ thống lò sấy. Với định mức tiêu hao nhiên liệu khoảng 50kg củi/ 1 tấn (với độ ẩm <35%) thì lượng củi tiêu hao dùng để đốt lò hơi khoảng 1,2 tấn/ngày (với thời gian đốt củi là 24giờ/ngày -chia theo ca).

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Mục đích sử dụng: Chiếu sáng, chạy máy bơm nước, vận hành máy móc thiết bị sản xuất và hoạt động của văn phòng.
- Tổng nhu cầu sử dụng điện ước tính khoảng 137.000 KWh/tháng.
- Nguồn cung cấp: Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của dự án được lấy từ hệ thống cấp điện 22Kv của KCN thông qua 02 Trạm biến áp nằm phía Đông giáp đường Trung Tâm của Khu công nghiệp.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp: Nhu cầu sử dụng nước của dự án chủ yếu là cho mục đích sinh hoạt của công nhân, tưới cây xanh, cấp nước cho PCCC. Hiện tại, nhà máy đang sử dụng nguồn nước cấp hiện hữu tại Khu công nghiệp do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp để phục vụ nhu cầu sử dụng nước của Dự án. Vị trí đầu nối tại hành lang phía Đông của nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng nước: lượng nước sử dụng cho nhu cầu của Nhà máy được sử dụng cho sinh hoạt, sản xuất (cung cấp cho nồi hơi) và tưới cây xanh.

❖ **Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:**

Với số lượng CBCNV hiện tại của nhà máy là 260 người. Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình, tiêu chuẩn thiết kế của Bộ xây dựng thì tiêu chuẩn cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt là 45 lít/người/ca. Lượng nước cấp cho sinh hoạt của CBCNV của nhà máy là:

$$Q_{\text{sinh hoạt}} = 260 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 11.700 \text{ lít/ngày} = \mathbf{11,7 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

❖ **Nước sử dụng tưới cây, rửa đường**

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 thì lượng nước dùng cho mục đích tưới cây có thể được ước tính như sau:

$$Q_{\text{tưới}} = 3.100 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2 = 9.300 \text{ lít/ngày} = \mathbf{9,3 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

Tuy nhiên, thực tế lượng nước phục vụ cho tưới cây không cao như tính toán, ước tính hằng ngày công tác tưới tiêu, chăm sóc cây trồng trong khuôn viên dự án khoảng 5m³/ngày.

❖ **Nước cấp cho sản xuất**

- Nhà máy sử dụng 06 hệ thống xử lý bụi sơn màng nước, chia ra thành 2 loại kích thước chứa nước như sau:

+ Với 5 tháp có kích thước bể chứa nước 6m x 1m x 0,4m. Do đó, lượng nước cần cung cấp cho 5 bể này là: (6m x 1m x 0,4m) x 5 bể = 12m³.

+ Với 1 tháp có kích thước bể chứa nước 4m x 1m x 0,4m. Do đó, lượng nước cần cung cấp cho 1 bể này là: (4m x 1m x 0,4m) x 1 bể = 1,6m³.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động để đảm bảo tránh xảy ra tình trạng chảy tràn nước gây lãng phí và gây mất vệ sinh khu vực, do vậy lượng nước lưu chứa tại các khoang chứa nước chỉ chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ dung tích khoang. Thực tế lượng nước cấp ban đầu cho công đoạn này là: $(12\text{m}^3 + 1,6\text{m}^3) \times \frac{3}{4} = 10,2\text{m}^3$.

- Nhà máy sẽ tiến hành thay nước và vệ sinh khoang chứa nước định kỳ mỗi 06 tháng, vì vậy lượng nước cấp vào cho công đoạn này là 06 – 12 tháng/1 lần.

❖ **Nước dùng để xử lý khói thải lò đốt**

- Nước cấp cho hệ thống Cyclone màng ướt: ước tính khoảng $0,5\text{m}^3$ /lần và được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ 06 – 12 tháng nhà máy sẽ thay nước và vệ sinh khi nước có dấu hiệu ô nhiễm đậm đặc.

- Nước cấp cho Bể đập bụi: ước tính khoảng $2,0\text{m}^3$ / lần (bể đập bụi có kích thước: $1,2\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,4\text{m}$). Định kỳ, khoảng 6 – 12 tháng, nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh vớt cặn và thay nước tùy theo nhu cầu hoạt động của nhà máy.

❖ **Nước bổ sung do hao hụt**

- Ngoài ra, trong quá trình hoạt động sẽ có một lượng nước hao hụt do lượng nước bốc hơi, nên để đảm bảo đủ nước trong quá trình hoạt động nhà máy cung cấp lượng nước hao hụt khoảng $0,5\text{m}^3$ /ngày.

❖ **Nước cấp cho PCCC**

Nước dự phòng cho PCCC được chứa tại bể chứa, lượng chứa 432m^3 (lượng nước này chỉ sử dụng trong trường hợp nhà máy cháy) vị trí của 2 bể chứa nước PCCC nằm ở phía Tây Nam của nhà máy.

- Như vậy, tổng lượng nước cấp cho nhà máy khi hoạt động ổn định (*không tính nước cấp cho hoạt động PCCC*) là:

Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu dùng nước

STT	Nhu cầu cấp nước	Lưu lượng
1	Nước cấp sinh hoạt	$11,7\text{m}^3$ /ngày
2	Nước cấp cho quá trình sản xuất	$10,2\text{m}^3$ / 06 – 12 tháng
3	Nước dùng để xử lý khói thải lò đốt	$2,5\text{m}^3$ / 06-12 tháng

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 12

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Nhu cầu cấp nước	Lưu lượng
4	Nước bổ sung do hao hụt	0,5m ³ /ngày
5	Nước tưới cây, rửa đường	5m ³ /ngày

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

1.4.4. Nhu cầu hóa chất

Bảng 1. 5. Nhu cầu hóa chất sử dụng

STT	Nguyên liệu	Đơn vị/năm	Số lượng
1	Bóng màu	Tấn	16,8
2	Cứng PU	Tấn	2,3
3	Bóng PU	Kg	80
4	Chất đóng rắn	Kg	225
5	Dầu màu	Tấn	7,7
6	Dung môi	Tấn	4,8
7	Lót màu	Tấn	1,3
8	Sơn màu	Tấn	1,6
9	Stain màu	Tấn	23,4
10	Dầu DO (xe nâng)	Lít	1.925
11	Keo đóng chốt gỗ	Tấn	2,4

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN

- Thoát nước mưa, nước thải: tại khu vực Dự án, chủ đầu tư KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải dọc theo tuyến đường trục và các tuyến đường nội bộ của KCN, để phục vụ cho việc lưu thoát nước mưa, nước thải của

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

các dự án, nước thải được thu gom đầu nối đưa về hệ thống xử lý nước thải 2.000 m³/ngày đêm đã được Chủ đầu tư KCN Phú Tài đầu tư xây dựng để xử lý nước thải phát sinh của các dự án trong KCN Phú Tài, Long Mỹ theo đúng quy định. Hệ thống XLNT đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động với các chỉ tiêu giám sát cơ bản là lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, BOD, pH, TSS, amoni theo quy định.

- Giao thông: giao thông nội bộ trong KCN hiện đã được Chủ đầu tư hạ tầng KCN xây dựng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào KCN.

- Cấp điện: Hệ thống cấp điện trong KCN đã lắp đặt hoàn thiện và đảm bảo cung cấp nguồn điện phục vụ cho các dự án thứ cấp trong KCN.

- Cấp nước: Khu vực dự án đã có đường ống cấp nước sạch do Công ty CP cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp nước sạch cho các nhà máy.

- Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn: Hiện nay, trên địa bàn KCN đã có công ty Cổ phần Môi trường Bình Định tiến hành thu gom xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các doanh nghiệp; Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh thu gom, xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại.

1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư mở rộng

- Vốn đầu tư của dự án tại thời điểm hiện tại: 35.607.000.000 (Ba mươi lăm tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu đồng).

1.5.3. Thời gian xây dựng và thời gian hoạt động

- Thời gian xây dựng: Năm 2000.
- Thời gian hoạt động: 45 năm (kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất hoặc từ ngày nhà máy đi vào hoạt động).

1.5.4. Nhu cầu về lao động

Hiện tại nhà máy đang hoạt động và sử dụng 100% nguồn nhân lực trong nước. Tổng số cán bộ công nhân viên cần thiết để vận hành nhà máy là 260 người. Nhà máy ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương.

1.5.5. Tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ là các nước thuộc : (Châu Âu; Mỹ, Canada, Pháp, Tây Ban Nha ...) và tiêu thụ nội địa.

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5.6. Cây xanh

Khu vực nhà máy đã trồng dải cây xanh cách lý theo quy định, tại không gian xanh cho khu vực cũng như là giảm thiểu lượng bụi phát tán ra ngoài môi trường.

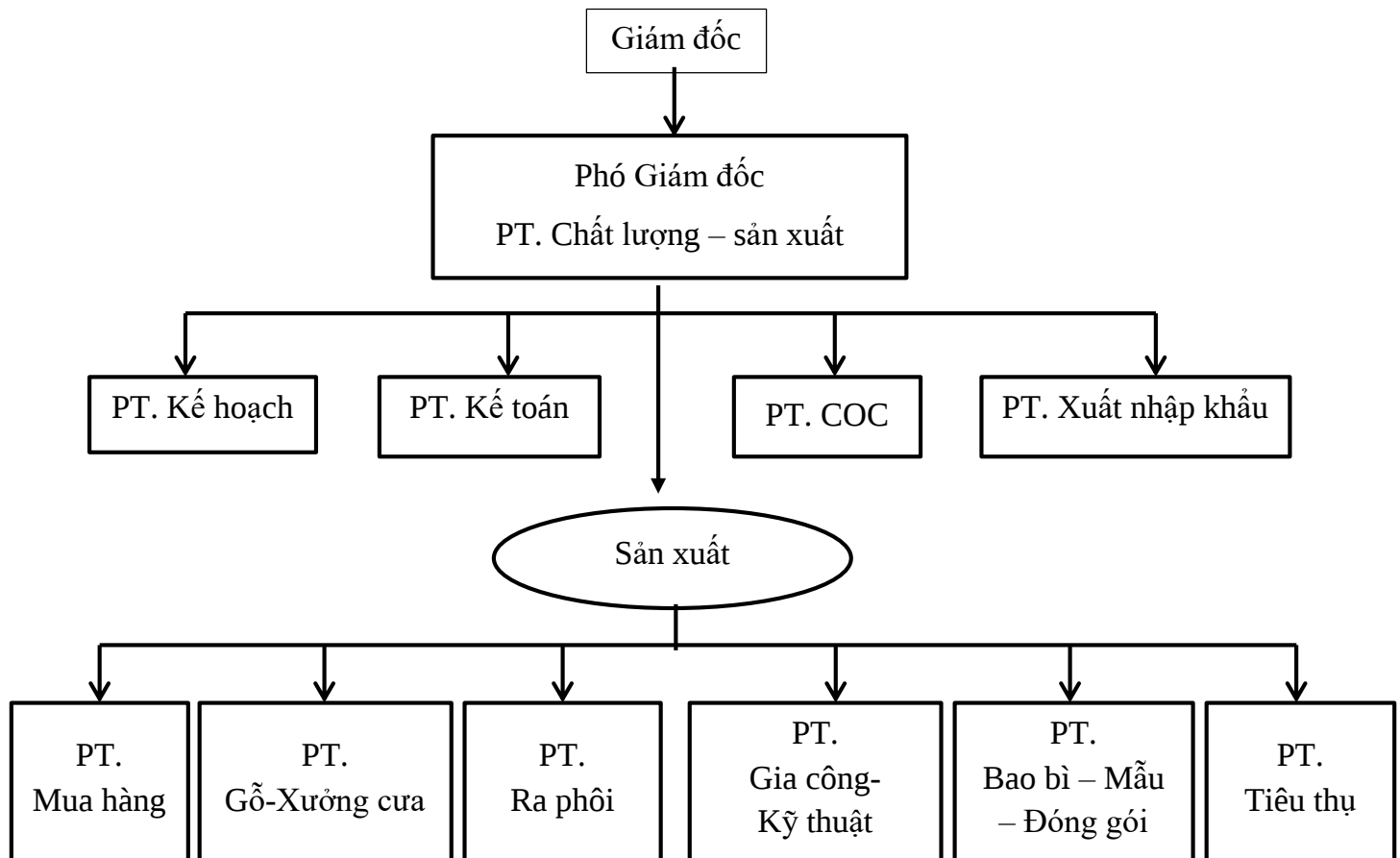


Hình 1. 3. Dải cây xanh tại khu vực nhà máy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5.7. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án



Hình 1. 4. Sơ đồ tổ chức quản lý của dự án

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- Dự án “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” được UBND Tỉnh Bình Định ban hành công văn số 1883/UB-NN ngày 29/8/2000 về việc chấp thuận địa điểm để công ty TNHH Trường Sơn chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến lâm sản xuất khẩu.

- Dự án “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” được đầu tư tại Lô B53, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là hoàn toàn phù hợp với Chứng chỉ quy hoạch số 156/CCQH-BQL ngày 05/08/2009 của Ban quản lý các Khu công nghiệp thuộc UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh bổ sung chứng chỉ số 07/CCQH-BQL ngày 22/09/2000.

- Dự án “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” được Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Định cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp đầu tư trong Khu công nghiệp số 38/CN-KCN-BĐ ngày 15/01/2004.

- Dự án “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP612561 ngày 27/08/2009.

- Bên cạnh đó Nhà máy nằm trong KCN Phú Tài nên không có dân cư sinh sống, khu vực có nguồn lao động trẻ dồi dào, do đó Dự án sẽ tạo việc làm cho lao động và cải thiện đời sống sinh hoạt của người dân. Điều này cho thấy địa điểm đầu tư Nhà máy hoàn toàn phù hợp với đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Dự án được thực hiện tại Lô B53 của KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống cấp điện, cấp nước và xử lý nước thải nên toàn bộ lượng nước thải của nhà máy được thu gom và xử lý theo quy định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh từ nhà máy cũng đã được công ty hợp đồng với công ty Cổ phần Môi trường Bình Định tiến hành thu gom xử lý theo quy định.

- Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh với tần suất là 6 tháng/lần.

→ Từ những lý do nêu trên cho thấy các thành phần có nguy cơ gây ô nhiễm phát sinh tại dự án đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường nên khả năng chịu tải của môi trường hoàn toàn có khả năng đáp ứng được lượng chất thải của dự án.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

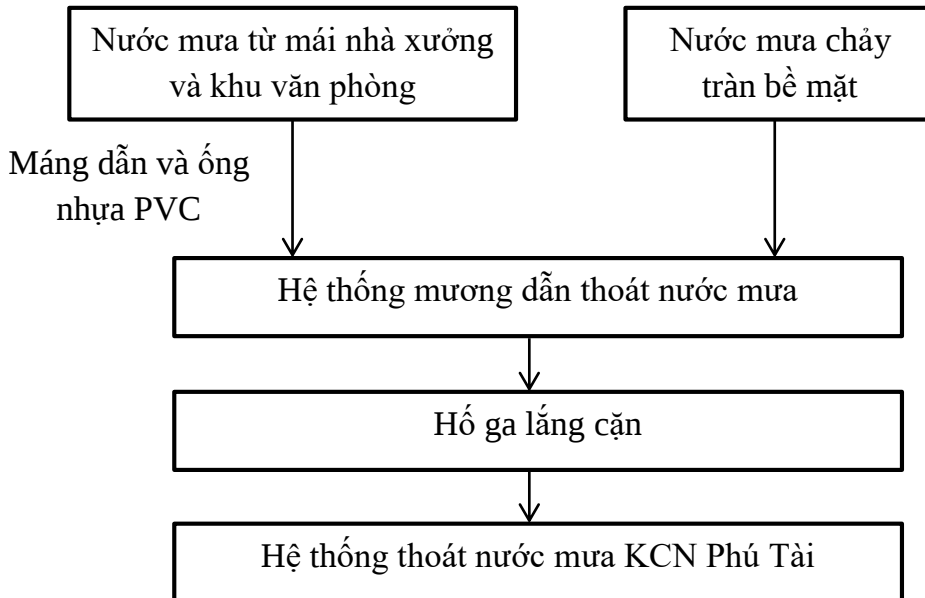
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng riêng biệt với nước thải. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm các mương, rãnh thoát nước xây dựng xung quanh các khu nhà xưởng, tập trung nước mưa từ trên mái đổ xuống và sau đó dẫn về mương thoát nước mưa với tiết diện từ D40-D60 nắp đan BTCT. Các vị trí qua đường sử dụng cống bê tông ly tâm chịu lực. Dọc chiều dài mương thoát nước có bố trí các hố ga lắng cát.

- Nước mưa được đưa về các hố ga và dẫn bằng đường ống BTLT D=500 đưa ra ngoài đầu nối vào hệ thống mương thoát nước của KCN tại 2 vị trí M1, M2 theo quy hoạch.

- Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

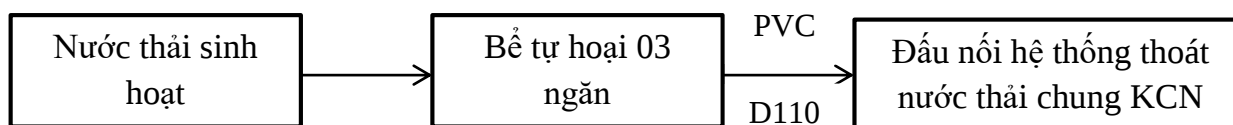


Hình 3. 2. Mương thoát nước mưa hiện hữu xung quanh nhà máy

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới nhà vệ sinh, sau đó theo đường ống nhựa PVC D110 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Phú Tài.



Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy

b. Nước thải sản xuất:

- Hiện tại, nhà máy không còn công đoạn luộc gỗ nên không có nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn này.

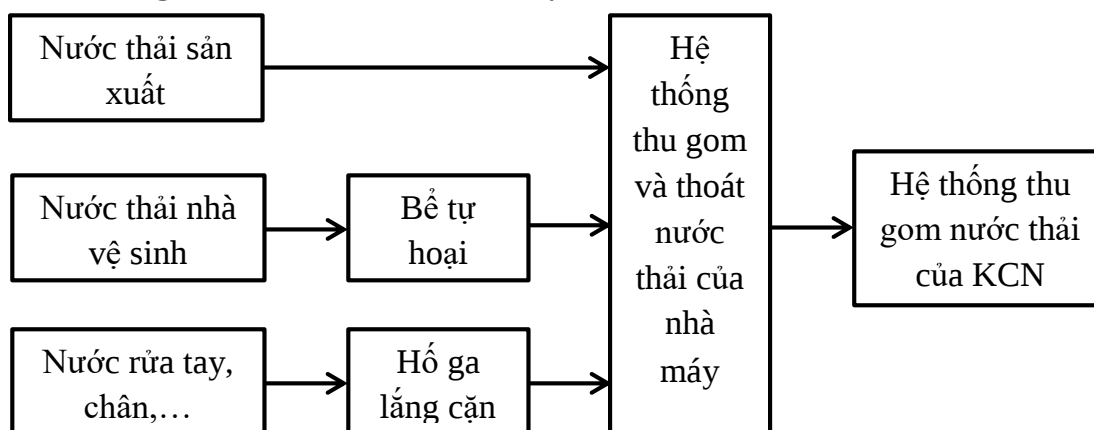
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đối với hệ thống phun sơn: Công ty sử dụng công nghệ thu hồi bụi sơn bằng thiết bị tháp xử lý bụi sơn kiểu màng nước đôi, lượng nước sản xuất phát sinh khi nhà máy tiến hành thay nước định kỳ, khoảng 06 - 12 tháng nhà máy sẽ thay 1 lần. Lượng nước phát sinh từ công đoạn này được đấu nối với hệ thống thoát nước chung của nhà máy đấu nối về hệ thống thoát nước thải chung của KCN.

- Nước thải từ hệ thống xử lý lò hơi: Nước thải từ hệ thống Cyclone màng ướt để xử lý khói thải phát sinh khoảng $0,5\text{m}^3$ và nước thải tại bể đập bụi phát sinh khoảng 2m^3 được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường bên ngoài. Định kỳ 06 – 12 tháng nhà máy sẽ thay nước và vệ sinh khi nước có dấu hiệu ô nhiễm đậm đặc, lượng nước này nhà máy xả ra hệ thống nước thải tập trung của KCN để xử lý.

➤ Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của dự án

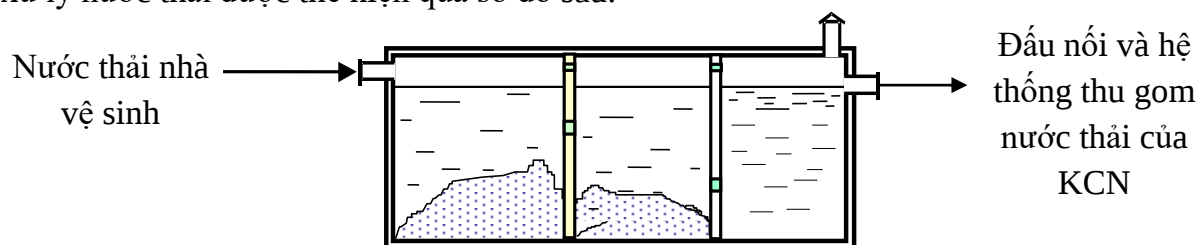
- Toàn bộ lượng nước thải sản xuất được nhà máy thu gom dẫn về hệ thống thu gom và thoát nước thải chung của nhà máy, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài, cam kết không xả nước thải ra ngoài môi trường (*Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải đính kèm phụ lục*).

3.1.3. Xử lý nước thải

❖ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (bể tự hoại)

- Công ty xây dựng công trình bể tự hoại tại khu vực Nhà văn phòng và nhà vệ sinh công nhân.

- Quy trình vận hành công trình thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của dự án như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Bể tự hoại 03 ngăn xây ngầm bằng bê tông, chống thấm. Quy trình xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại

- Bể tự hoại 03 ngăn thông dụng được dùng để xử lý cục bộ nước thải từ khu nhà vệ sinh có kết cấu như sau:

- + Ngăn thứ nhất: ngăn tự hoại;
- + Ngăn thứ hai: ngăn lắng;
- + Ngăn thứ ba: ngăn lọc.

- Bể có ống thông hơi ra bên ngoài, có hộp bảo vệ và có nắp để hút cặn. Nắp bể được làm bằng đan bê tông cốt thép; được xây dựng bằng bê tông chống thấm. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy.

- Hiện tại lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh không lớn, KCN Phú Tài đã có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, do đó toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại nhà máy đều được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài.

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ đạt cấp độ đầu nối nước thải là 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTĐD ngày 13/04/2012 của công ty CP ĐT&XD Bình Định (Theo Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải giữa công ty TNHH Trường Sơn và Công ty CP ĐT&XD Bình Định số 109/2020/HĐ-XLNT).

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

phẩm

Để hạn chế tối đa lượng bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, thời gian qua Công ty đã và sẽ duy trì thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí khu vực đỗ xe gần cổng ra vào, các xe chạy trong khuôn viên Nhà máy phải giảm tốc độ.
- Xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm phải tắt máy trong thời gian bốc xếp.
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết củi nhiên liệu, kho chứa và khu vực đỗ xe để hạn chế đối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Xây dựng chế độ vận hành của xe vận chuyển và điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe.
- Che chắn, phủ bạt kín nguyên nhiên liệu, sản phẩm trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm sau 22 h.
- Không sử dụng phương tiện vận chuyển quá cũ để vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Bảo trì thường xuyên để giảm thiểu khí thải do các phương tiện này thải ra.
- Không sử dụng các nhiên liệu độc hại.
- Chở đúng trọng tải được cấp phép, không chở quá tải
- Kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.
- Nhân viên lái xe có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với loại xe đang vận chuyển, nắm vững và lái xe đúng luật an toàn giao thông đường bộ, hạn chế tối đa các tai nạn có thể xảy ra khi vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

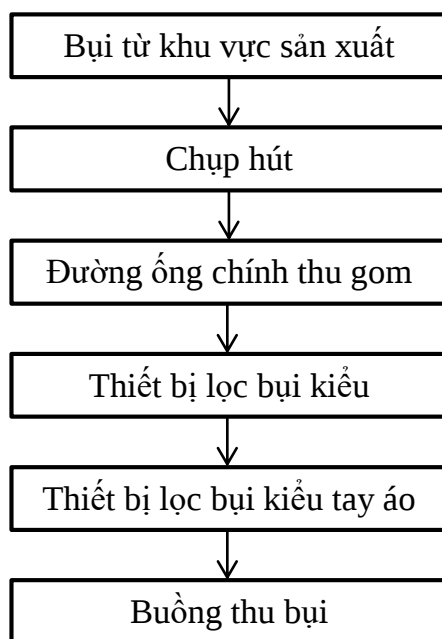
3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất

a. Công trình thu gom và xử lý bụi gỗ

Toàn bộ lượng bụi thu gom từ các công đoạn sản xuất của nhà máy được đưa về hệ thống xử lý bụi gỗ. Quy trình xử lý như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ

- Thiết bị xử lý bụi bao gồm hệ thống các chụp hút cục bộ, hệ thống ống dẫn, các quạt hút và đẩy khí, buồng lắng bụi, cyclone hút bụi và các túi vải lọc bụi. Bụi phát sinh trong các công đoạn chế biến sẽ được các chụp hút cục bộ thu gom, quạt hút sẽ liên tục hút khí từ các chụp cục bộ dẫn khí có chứa bụi về hệ thống xử lý, bao gồm buồng lắng bụi, cyclone thu bụi và lọc bụi tay áo để loại sạch bụi gỗ ra khỏi dòng thải trước khi vào môi trường. Quạt thổi và quạt hút có tác dụng tạo lực âm lớn trong các ống dẫn để tăng hiệu quả thu gom bụi và mạt gỗ.

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi chuyển tinh chế - Chi tiết thẳng

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước/ Đặc tính kỹ thuật
I.	Hệ thống hút bụi dây chuyền I (37KW/50HP)		
1	Quạt hút ly tâm	1	Lưu lượng: 42.500 – 50.000m ³ /h Công suất: 45-55Kw (60-75HP) Áp lực: 390-400mm/H ₂ O – (Hút 60 – 70 vòi Ø100; V=23 – 25m/s)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước/ Đặc tính kỹ thuật
2	Cyclone	2	2 Bầu lắng hướng tâm Ø1.350, thân cao 1.800 Phễu rót côn cao 2.900 Bộ thoát hơi
3	Ống dẫn chính (dày 1,2mm)	3	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø630, Ø600, Ø550 Chiều dài: 50 mét
4	Ống dẫn chính (dày 1,0mm)	3	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø440, Ø420, Ø395, Ø315, Ø280, Ø260 Chiều dài: 13 mét
5	Ống dẫn phụ (dày 0,7mm)	1	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø195, Ø175, Ø145, Ø125 Chiều dài: 125 mét
6	Miệng hút có van chặn	52	Vật liệu: Tôn tráng kẽm
II.	Hệ thống hút bụi dây chuyền II		
1	Quạt hút ly tâm	1	Lưu lượng: 22.500 – 23.000m ³ /h Công suất 33Kw/44HP Áp lực: 350mm/H ₂ O – (Hút 42 – 54 vòi Ø100; V=20 – 24m/s)
2	Cyclone	1	2 Bầu lắng hướng tâm Ø1.400 Phễu rót Bộ thoát hơi

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 25

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước/ Đặc tính kỹ thuật
3	Ống dẫn chính (dày 1,2mm)	4	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø630, Ø600, Ø580, Ø570, Ø550, Ø520, Ø500 Chiều dài: 65 mét
4	Ống dẫn (dày 1,0mm)	1	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø395 Chiều dài: 2,4 mét
5	Ống dẫn (dày 0,8mm)	1	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø315, Ø280, Ø260 Chiều dài: 5,45 mét
6	Ống dẫn phụ (dày 0,7mm)	2	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø240, Ø220, Ø195, Ø175, Ø145, Ø125 Chiều dài: 180 mét
7	Miệng hút có van chặn	60	Vật liệu: Tôn tráng kẽm
III.	Hệ thống hút bụi chuyên chà nhám		
1	Quạt hút ly tâm	1	Công suất điện: 45Kw (60HP), 1450v/p. Lưu lượng: 42.500m ³ /h
2	Cyclone	2	Bầu lắng hướng tâm Ø1.350, cao 1.500mm Phễu rót côn cao 2.900mm Bộ thoát hơi bằng tôn đen dày 2,0mm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước/ Đặc tính kỹ thuật
3	Ống dẫn (dày 1,2mm)	2	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø750, Ø720 Chiều dài: 65 mét
4	Ống dẫn (dày 1,0mm)	5	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø630, Ø600, Ø550, Ø480, Ø440 Chiều dài: 33,5 mét
5	Ống dẫn (dày 0,8mm)	1	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø375 Chiều dài: 5 mét
6	Ống nhánh (dày 0,8mm)	2	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø360, Ø315 Chiều dài: 8 mét
7	Ống nhánh (dày 0,6mm)	6	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Đường kính: Ø280, Ø260, Ø220, Ø200, Ø175, Ø125 Chiều dài: 111 mét
8	Miệng hút chùm	8	Đường kính: 2 x Ø120 Có van chặn
9	Miệng hút đơn	4	Đường kính: Ø100 Có van chặn
10	Phễu gom bụi bàn chà nhám	8	Vật liệu: Tôn tráng kẽm Kết cấu: 1,0 mét x 2,0 mét x cao 0,285 mét

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 27

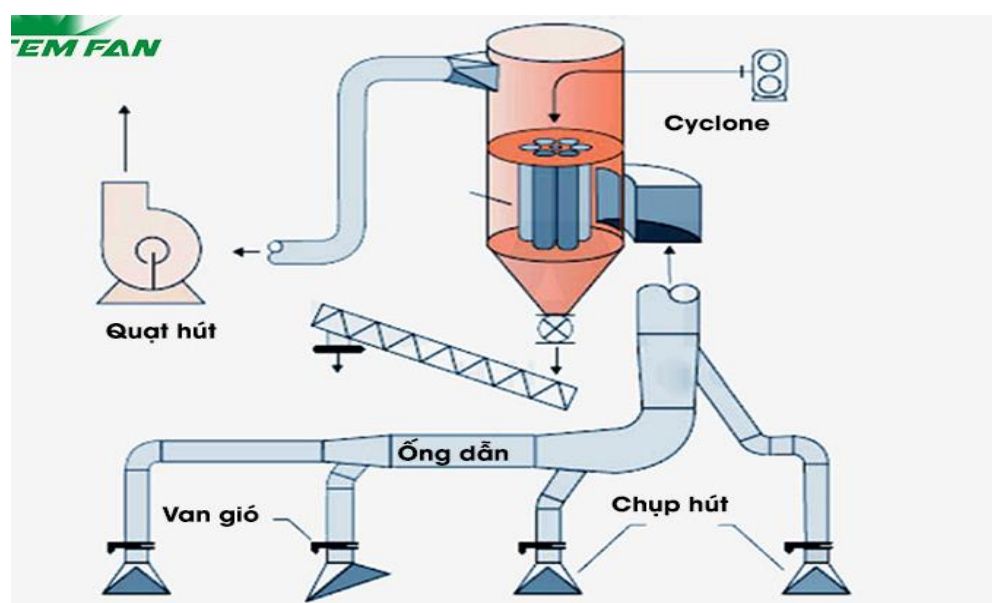
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước/ Đặc tính kỹ thuật
			Lỗ gom Ø260 có nắp van xả đáy
III.	Hệ thống hút bụi dây chuyền tĩnh chế		
1	Quạt hút ly tâm	01	Công suất điện 45-55Kw (60-75Hp). Lưu lượng: 42.500 – 50.000m ³ /h. Áp lực: 390-400mmH ₂ O.

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

- Mô tả hệ thống thu gom và xử lý bụi:



Hình 3.7. Hệ thống thu gom bụi điển hình tại nhà máy

- Nguyên tắc hoạt động của hệ thống hút bụi như sau: Hệ thống máy hút bụi gỗ có tác dụng thu gom bụi ngay tại vị trí phát sinh thông qua các chụp hút bố trí ngay tại các máy công cụ. Các chụp hút được gắn với hệ thống ống dẫn với áp lực hút mạnh bụi di chuyển theo hệ thống đường ống dẫn vào cyclone.
- Dưới sức hút của quạt ly tâm công suất lớn, toàn bộ bụi sẽ bị hút thông qua đường ống nối với từ đầu hút đến quạt và cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy, sau đó va chạm vào thành cyclone mất động năng đi xuống phễu, chuyển ra kho chứa bụi.

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Bên cạnh biện pháp chính là lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi, công ty sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ sau:

+ Căn cứ vào việc bố trí cửa ra vào và hành lang giao thông trong xưởng, chủ dự án sẽ sắp xếp quy trình chà nhám tránh xa khu vực sơn và có tường bao che cách ly với các khâu sản xuất khác một mặt thuận tiện cho việc thu gom và xử lý bụi, một mặt tránh ảnh hưởng đến công đoạn phun sơn vì khi đó bụi gỗ sẽ bay lên và bám dính vào các bề mặt sơn.

+ Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố như bụi vỡ cyclone, đường ống thu bụi, ...thì chủ dự án sẽ ngừng sản xuất để khẩn trương khắc phục sự cố kịp thời ngăn ngừa bụi gỗ phát tán ra môi trường.

+ Quy hoạch xây dựng nhà xưởng thông thoáng, chú trọng đến hệ thống thông gió tự nhiên và cưỡng bức. Che chắn hạn chế khuếch tán bụi ra xung quanh tại khu vực sơ chế, tinh chế.

+ Quy hoạch bố trí và sắp xếp hệ thống máy móc, thiết bị phù hợp trong dây chuyền sản xuất: bố trí các máy móc thiết bị theo tính năng để có giải pháp xử lý bụi cục bộ cho từng khu vực.

+ Nhà xưởng thiết kế cửa rộng và có tầng mái cao chú trọng thông gió tự nhiên.

+ Áp dụng công nghệ vận hành tối ưu, cơ giới hóa, tự động hóa quy trình sản xuất

+ Sân và đường đi trong khu vực nhà máy được trải bê tông theo đúng quy hoạch.

+ Tăng cường trồng cây xanh, cây xanh có tác dụng che nắng, hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, che chắn tiếng ồn, giảm bụi, mặt khác nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan khu vực, tạo ra cảm giác êm dịu. Chủ đầu tư đã bố trí các dải cây xanh sát tường rào tạo dải phân cách để hạn chế bụi gỗ phát tán ra cơ sở lân cận, các tuyến đường nội bộ giữa các phân xưởng nhằm tạo cảnh quan và bóng mát. Đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh theo đúng quy hoạch.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 3. 7. Hệ thống thu gom và xử lý bụi nhà xưởng

b. Công trình thu gom bụi từ quá trình phun sơn:

- Để giảm lượng khí phát sinh từ khâu phun sơn hoặc nhúng dầu cho sản phẩm thì nhà máy đã tiến hành xây dựng khu vực này cách xa khu vực sản xuất khác. Xây dựng phân xưởng phun sơn với buồng phun sơn khép kín, có lắp đặt hệ thống thu hồi sơn hiện đại, đảm bảo nồng độ dung môi rất nhỏ so với tiêu chuẩn cho phép khí thải, phát tán ra môi trường. Lắp đặt hệ thống hút bụi sơn bằng hệ thống hấp thụ bụi sơn bằng màng nước có tác dụng hấp thụ lượng sơn dư thừa nhằm hạn chế phát tán ra môi trường. Hàng tháng, nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh và thu gom lượng sơn dư thừa, chất cặn sẽ được thu gom và đưa vào khu chứa CTNH.

Bảng 3. 2. Thông số của hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi sơn

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
1	Tháp xử lý bụi sơn 1	Kích thước: DxRxH= 6m x (0,75+0,4)m x 2,4m Khung thép hộp: 25 x 50 Vách chắn: inox 201	05

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
2	Tháp xử lý bụi sơn 2	Kích thước: DxRxC= 4m x (0,95+0,55)m x 2,1m Vách chắn: inox 201	01
3	Bơm tuần hoàn nước	Công suất 3HP.	06
4	Quạt hút	Loại quạt hướng trục D700 chạy gián tiếp - Công suất điện: 2,2Kw/3HP.	12
5	Ống thoát khí	Ống thoát đường kính D700, dài 5,3m. Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 1mm Phía trên có nón chén mưa (tole tráng kẽm dày 1,0mm).	12

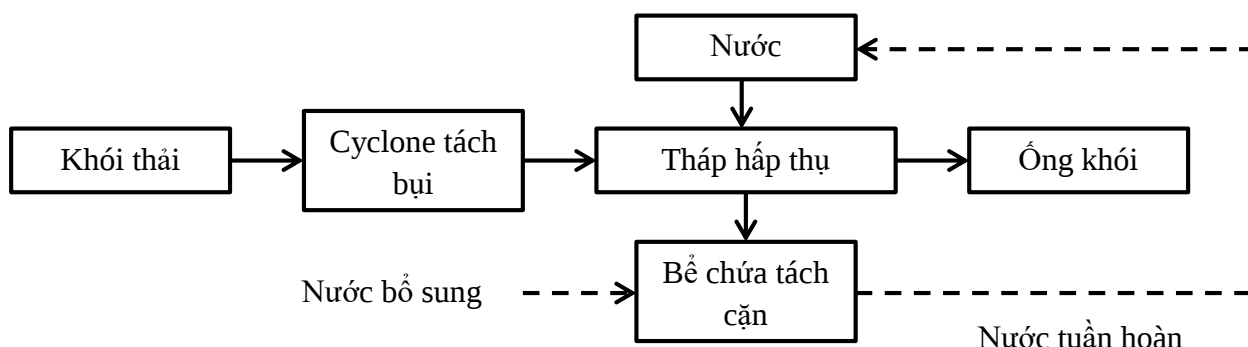
Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

3.2.3. Đối với khí thải từ lò sấy

Nguồn đốt nhiên liệu của nhà máy tập trung tại lò hơi để cấp nhiệt cho hệ thống sấy gỗ. Do đặc thù của ngành sản xuất chế biến lâm sản thường xuyên phải cấp hơi nóng cho lò sấy gỗ trong công đoạn sấy gỗ nên sử dụng hệ thống lò sấy hơi nước. Đối với lò đốt này, khí thải sinh ra chứa các thành phần như: tro bụi, CO, CO₂ và NO_x, SO₂ ...

🌈 Công trình xử lý khí thải từ lò hơi

- Công ty đã đầu tư 01 lò hơi công suất 4,5 tấn/ giờ và đầu tư hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:



Hình 3. 8. Sơ đồ xử lý khói thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

➤ **Thuyết minh sơ đồ:**

- Khí thải từ lò sấy được dẫn bằng hệ thống ống dẫn kín đến thiết bị xử lý.
- Thiết bị được áp dụng là thiết bị hấp thụ. Vì lò sấy sử dụng nhiên liệu là gỗ vụn nên có nồng độ bụi cao, kích thước lớn sẽ làm giảm hiệu quả hấp thụ, do đó sẽ xử lý bụi trước bằng cyclone rồi mới đưa qua tháp hấp thụ. Khí thải đi vào tháp hấp thụ nhờ áp suất âm của quạt gió và chuyển động từ dưới lên, qua lớp hấp thụ và qua bộ phận tách ẩm trước khi được quạt hút đưa ra ngoài miệng thải.
- Quá trình hấp thụ được tăng cường nhờ sự tiếp xúc dị pha ngược dòng giữa dòng khí và dung dịch hấp thụ ngay trong lòng lớp vật liệu tiếp xúc. Dung dịch chất hấp thụ là nước, sau khi ra khỏi lớp hấp thụ, khí tiếp tục được quạt ly tâm cao áp hút đưa ra ngoài và phân tán vào khí quyển. Nước thải sau khi qua hệ thống này sẽ được dẫn vào về thu, tách cặn. Tại đây, lượng nước dư sẽ được bơm tuần hoàn lại hệ thống.
- Phần nước bùn dưới đáy bể thu sẽ được hút định kỳ đưa về khu bãi tập kết tro xỉ được vận chuyển đi xử lý theo quy định.
- Khí sau xử lý đảm bảo đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B, $K_p=0,9$, $K_v=1$.

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4,5 tấn/giờ

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
1	Quạt hút	Công suất 15HP, Lưu lượng 42.500m ³ /h	01 cái
2	Cyclone	Chiều cao 7,5m, đường kính 1,5m. Vật liệu: SS400	01 cái
3	Đường ống dẫn khói nóng	Bao gồm: đường ống dẫn khói nóng từ nồi hơi đến cyclone; đường ống dẫn khói từ cyclone đến tháp xử lý bụi ướt. æ Vật liệu: SS400	01 hệ
4	Tháp xử lý bụi ướt	Tháp xử lý bụi ướt: vật liệu SS304 Bơm khử bụi ướt: đầu bơm bằng inox. Hệ thống béc phun	01 hệ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
5	Bể lắng bụi	Kết cấu: bê tông cốt thép Kích thước: DxRxC=4,97x2,2x1,4m	01 bể
6	Bồn cấp nước		01 cái
7	Ống khói	Chiều dài 16m, đường kính 0,6m	01 cái

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn



Hình 3. 9. Hệ thống xử lý khói thải lò đốt

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

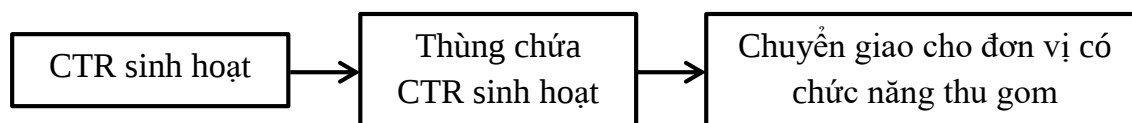
3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Rác thải sinh hoạt phát sinh trong nhà máy từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, thành phần như: thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa,...

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Khối lượng phát sinh: Với số lượng cán bộ công nhân viên nhà máy là 260 người và theo số liệu thực tế tại thành phố Quy Nhơn ước tính là khoảng 0,5 kg/người/ngày thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà máy là khoảng 130kg/ngày. Tuy nhiên qua theo dõi lượng chất thải phát sinh tại dự án phát sinh không lớn như tính toán lý thuyết trên, mà thực tế lượng rác thải phát sinh tại nhà máy ước tính khoảng 43% khối lượng chất thải như trên tức là khoảng 56kg/ngày.



Hình 3. 10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt

- Biện pháp xử lý:

+ Công ty đã trang bị các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại các vị trí dễ nhìn thấy trong khu vực nhà máy, nhà ăn, khu vực sinh hoạt của công nhân để thu gom chất thải sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ lượng rác thải này được thu gom cho vào thùng chứa chuyên dụng, định kỳ tập kết tại vị trí phía trước nhà máy để đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

+ Nhà máy đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định để thu gom và vận chuyển chất thải thông thường để xử lý theo quy định (*Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục*).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 3. 11. Thùng chứa chất thải sinh hoạt

3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại sản phẩm hỏng bị thu hồi, bụi gỗ phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy với khối lượng đáng kể. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được nhà máy tận dụng để đốt lò hơi cấp nhiệt cho hệ thống sấy, không thải bỏ loại chất thải này ra ngoài môi trường.

- Giấy carton, bao bì nguyên, phụ liệu không chứa thành phần nguy hại phát sinh sẽ thu gom lưu chứa tại khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường. Phần lớn sẽ tận dụng kê lót sản phẩm .

Bảng 3. 4. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường

STT	Thành phần chất thải	Số lượng	Biện pháp xử lý
1	Gỗ bìa, gỗ vụn, sản phẩm bị lỗi, ...	60 tấn/tháng	Nhà máy sử dụng để là nguyên liệu đốt lò sấy
2	Mùn cưa, dăm bào, ...	27 tấn/ tháng	Nhà máy sử dụng để là nguyên liệu đốt lò sấy
3	Bao bì hỏng không nhiễm thành phần nguy hại	11 kg/tháng	Thu gom vào rác thải sinh hoạt

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Thành phần chất thải	Số lượng	Biện pháp xử lý
4	Tro xỉ từ quá trình đốt lò sấy	105 kg/tháng	Nhà máy thu gom vào bao chứa và tận dụng làm phân bón cho gốc cây trồng

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Trong quá trình hoạt động sản xuất các thành phần nguy hại của nhà máy phát sinh như: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ sửa chữa máy móc, ... Thành phần và khối lượng phát sinh cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	25	16 01 06
2	Cặn dầu thải	Lỏng	105	17 07 03
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	75	18 01 02
4	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải như: giẻ lau, bao tay, ...	Rắn	205	18 02 01
5	Ắc quy thải	Rắn	1	19 06 01
6	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	4	08 02 04
7	Thiết bị, linh kiện điện tử thải bỏ	Rắn	40	16 01 13
Tổng			455	

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

- Công ty tiến hành phân loại, thu gom để vào kho chứa CTNH ở phía Tây của nhà máy có diện tích 6m², có dán mã số CTNH theo quy định. Đối với chất thải nguy hại nhà máy đã tiến hành việc thu gom, lưu trữ, xử lý theo đúng quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường. Nhà máy đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom là Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 3. 12. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ dự án sẽ duy trì áp dụng một số biện pháp sau để tránh sự cộng hưởng tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Không vận hành máy vượt quá công suất thiết kế.
- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào Nhà máy hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.
- Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao sẽ được bố trí thay ca phù hợp, không làm việc lâu tại một vị trí để giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết của máy móc thiết bị và định kỳ bảo dưỡng bôi trơn, nhất là các ổ trục, ổ bi của thiết bị.
- Chân đế máy được lắp cố định và chắc chắn vào sàn. Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ An toàn phòng chống cháy nổ

Để phòng ngừa cháy nổ, Nhà máy sẽ duy trì áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện như cầu giao, cầu chì, ổ cắm, quạt, ...
- Tập huấn cho công nhân, quản lý kho, tổ kỹ thuật và phân công trách nhiệm cho các cá nhân hoặc phòng ban chịu trách nhiệm về công tác quản lý PCCC để thường xuyên kiểm tra, theo dõi, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Bố trí các bình chữa cháy cầm tay ở khu vực sản xuất, khu văn phòng, nhà chứa chất thải rắn.
- Luôn có người túc trực và tuần tra tại các phân xưởng.
- Hệ thống PCCC và việc bố trí các thiết bị PCCC phải tuân thủ theo đúng quy định về PCCC của nhà nước.
- Nghiêm cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa trong phân xưởng, nhà kho, các khu vực dễ phát sinh cháy.
- Đối với các kho chứa hàng hóa (sản phẩm, vật tư, nguyên liệu): Tổ chức thông gió tốt cho các kho, đảm bảo khô ráo, nguyên liệu, sản phẩm trong kho được sắp xếp hợp lý, có lối đi đủ rộng và thông thoáng nhau để dễ ứng cứu khi xảy ra sự cố cháy nổ.
- Đối với các thiết bị điện: Đặt thiết bị bảo vệ như aptomat cho đường dây điện chính, cho từng đường dây điện phụ, cho từng thiết bị có công suất lớn. Tiết diện dây dẫn được chọn sao cho đủ khả năng tải dòng điện đến các thiết bị, dụng cụ điện mà nó cung cấp và không sử dụng phụ tải quá mức;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Giữ liên lạc với các cơ quan chức năng như cơ quan PCCC, công an 113...để yêu cầu hỗ trợ ngay khi xảy ra các sự cố nằm ngoài khả năng kiểm soát.

❖ Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

- Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và kiến thức về an toàn lao động.
- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu vào kho: yêu cầu công nhân phải sử dụng thành thạo các thiết bị nâng, chuyên chở phù hợp, không vượt quá tải trọng.
- Phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công nhân Nhà máy về các quy tắc an toàn trong sản xuất công nghiệp và khi tham gia giao thông.
- Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn lao động để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.
- Tuân thủ quy trình hoạt động của các máy móc, thiết bị tại Nhà máy.
- Trang bị tủ thuốc sơ cấp cứu sẵn sàng ứng phó nếu có sự cố xảy ra;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo, giày bảo hộ.
- Hằng năm tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân.

❖ Sự cố mất an ninh trật tự

- Xây dựng tường rào, cổng ngõ bao quanh và có người bảo vệ để tránh người dân tự ý ra vào.
- Quản lý công nhân chặt chẽ, cấm các tệ nạn xã hội trong quá trình làm việc. Nhắc nhở, giáo dục công nhân quan hệ tốt, có thái độ hòa nhã với công nhân ở các nhà máy lân cận và người dân ở địa phương để không xảy ra xung đột.
- Kết hợp với chính quyền địa phương làm tốt công tác dân vận.
- Duy trì lối sống lành mạnh, các tập tục văn hóa truyền thống của cư dân địa phương
- Thường xuyên thu thập thông tin, tâm tư nguyện vọng của người dân trong khu vực nếu bị ảnh hưởng bởi quá trình hoạt động, để khắc phục kịp thời đảm bảo đời sống cho người dân.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

❖ Mùi hôi từ khu vực tập trung rác thải sinh hoạt và khu vệ sinh

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Bố trí khu vực thu gom rác hợp lý có nắp đậy. Khi có đơn vị chức năng đến vận chuyển đem xử lý thì phải được thu gom toàn bộ và tập kết về đúng vị trí và thời gian. Không lưu chứa rác thải (đặc biệt chất thải sinh hoạt) thời gian lâu làm phát sinh mùi.
- Các thùng chứa chất thải rắn chờ thu gom có trang bị nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh sạch;
- Thường xuyên dọn dẹp các khu nhà vệ sinh sạch mỗi ngày, hạn chế việc phát sinh mùi.
- Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.
- Trang bị các thùng chứa CTR có nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh. Tránh tình trạng CTR lưu chứa quá lâu gây phát sinh mùi.
- Duy trì hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom CTR, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Thường xuyên nạo vét các hố ga, bể lắng cát, tách rác.

3.8. Các nội dung thay đổi so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

- Các thay đổi với công trình bảo vệ môi trường so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2004 như sau:

Bảng 3.4. Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2004	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện
1	Quy mô dự án	10.000m ³ gỗ quy tròn/năm	- Gỗ xẻ: 6.015 m ³ gỗ/năm - Gỗ tròn: 7.085 m ³ gỗ/năm
2	Diện tích xây dựng	28.544m ²	30.030,50m ²
3	Vốn đầu tư của dự án	Giai đoạn 1: - Tổng vốn đầu tư: 3.433.700.000 đồng	Tổng vốn đầu tư tại thời điểm hiện tại: 35.607.000.000 đồng

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2004	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện
		Giai đoạn 2 – mở rộng: - Tổng vốn đầu tư: 4.704.005.000 đồng	
4	Nhu cầu lao động	300 lao động	260 lao động
5	Hệ thống xử lý bụi sơn	Tháp xử lý bụi sơn kiểu khô	Tháp xử lý bụi sơn kiểu màng nước đôi
6	Nước thải sản xuất	Phát sinh từ công đoạn luộc gỗ	Phát sinh từ công đoạn vệ sinh tháp xử lý bụi sơn và vệ sinh bể đập bụi (định kỳ 6 – 12 tháng/lần).

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường: toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài, không xả thải ra môi trường; nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình xử lý khí thải lò hơi, từ hệ thống xử lý bụi sơn và hơi dung môi) được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ 6-12 tháng sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài.

4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

❖ Đối với dây chuyền phun sơn của nhà máy

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại Buồng phun sơn 1
- Nguồn số 02: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại Buồng phun sơn 1
- Nguồn số 03: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại Buồng phun sơn 2
- Nguồn số 04: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại Buồng phun sơn 2
- Nguồn số 05: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại Buồng phun sơn 3
- Nguồn số 06: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại Buồng phun sơn 3
- Nguồn số 07: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại Buồng phun sơn 4
- Nguồn số 08: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại Buồng phun sơn 4
- Nguồn số 09: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại Buồng phun sơn 5
- Nguồn số 10: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại Buồng phun sơn 5
- Nguồn số 11: Khí thải từ ống thoát hơi số 1 tại Buồng phun sơn 6
- Nguồn số 12: Khí thải từ ống thoát hơi số 2 tại Buồng phun sơn 6

❖ Đối với khí thải lò hơi

- + Nguồn số 13: Bụi, khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

❖ Đối với xưởng chế biến gỗ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Nguồn số 14: Bụi từ công đoạn sản xuất lắp ráp (Dây chuyền tinh chế 1)
- Nguồn số 15: Bụi từ công đoạn sản xuất lắp ráp (Dây chuyền tinh chế 2)
- Nguồn số 16: Bụi từ công đoạn chà nhám (Dây chuyền chà nhám)

4.2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải tối đa

❖ Đối với dây chuyền phun sơn của nhà máy

- Dòng số 01: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 02: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 03: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 04: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 05: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 06: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 07: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 08: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 09: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 10: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 11: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;
- Dòng số 12: Lưu lượng là 3.600 m³/giờ;

❖ Đối với khí thải lò hơi

- Dòng số 13: Lưu lượng là 15.000 m³/giờ.

❖ Đối với xưởng chế biến gỗ

- Dòng số 14: Lưu lượng là 50.000 m³/giờ.
- Dòng số 15: Lưu lượng là 23.000 m³/giờ.
- Dòng số 16: Lưu lượng là 42.500 m³/giờ.

4.2.3. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải

❖ Đối với dây chuyền phun sơn của nhà máy

- Dòng số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12: Khí thải từ quá trình phun sơn sau khi qua tháp xử lý bụi sơn.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01 – 12:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01 - 12

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kp=1; Kv=1; QCVN 20:2009/BTNMT)
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-
2	Bụi	mg/Nm ³	200
3	Toluen	mg/Nm ³	750
4	Benzen	mg/Nm ³	5

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ $K_p = 1$, do lưu lượng nguồn thải $P=3.600 \text{ m}^3/\text{h}$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$).

+ $K_v = 1$: Nhà máy nằm trong khu công nghiệp.

+ QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

+ Vị trí xả khí thải:

+ Dòng số 01: Tại đầu ra ống thoát khí 1 của Buồng phun sơn 1, tọa độ: X = 1523492.675; Y = 596554.532 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 02: Tại đầu ra ống thoát khí 2 của Buồng phun sơn 1, tọa độ: X = 1523492.375; Y = 596556.635 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Dòng số 03: Tại đầu ra ống thoát khí 3 của Buồng phun sơn 2, tọa độ: X = 1523489.019; Y = 596563.257 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 04: Tại đầu ra ống thoát khí 4 của Buồng phun sơn 2, tọa độ: X = 1523486.562; Y = 596563.566 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 05: Tại đầu ra ống thoát khí 5 của Buồng phun sơn 3, tọa độ: X = 1523480.110; Y = 596564.191 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 06: Tại đầu ra ống thoát khí 6 của Buồng phun sơn 3, tọa độ: X = 1523477.654; Y = 596564.801 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 07: Tại đầu ra ống thoát khí 7 của Buồng phun sơn 4, tọa độ: X = 1523465.978; Y = 596565.445 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 08: Tại đầu ra ống thoát khí 8 của Buồng phun sơn 4, tọa độ: X = 1523463.826; Y = 596565.453 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 09: Tại đầu ra ống thoát khí 9 của Buồng phun sơn, tọa độ: X = 1523459.218; Y = 596565.771 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 10: Tại đầu ra ống thoát khí 10 của Buồng phun sơn 5, tọa độ: X = 1523457.068; Y = 596566.379 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 11: Tại đầu ra ống thoát khí 11 của Buồng phun sơn 6, tọa độ: X = 1523453.662; Y = 596559.483 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Dòng số 12: Tại đầu ra ống thoát khí 12 của Buồng phun sơn 6, tọa độ: X = 1523453.651; Y = 596556.479 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3°).

- Phương thức xả thải: Bụi, khí thải sơn sau khi xử lý được xả ra môi trường bằng lực đẩy của qua hút qua ống thoát cao 6m, tiết diện D700mm.

❖ **Đối với khí thải lò hơi**

- Dòng số 13: Khí thải lò hơi sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt quy chuẩn được xả ra ngoài môi trường qua ống khói cao 16m, tiết diện D600mm.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 13:

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 13

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=1$; $K_v=1$)
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-
2	Bụi	mg/Nm ³	200
3	SO ₂	mg/Nm ³	500
4	NO _x	mg/Nm ³	850
5	CO	mg/Nm ³	1.000

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ $K_p = 1$: Do lưu lượng nguồn thải $P=15.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$).

+ $K_v = 1$: Nhà máy nằm trong khu công nghiệp.

- Phương thức xả thải: Sử dụng lực đẩy của quạt hút

❖ **Đối với xưởng chế biến gỗ**

- Dòng số 14: Bụi từ công đoạn sản xuất lắp ráp (Dây chuyền tinh chế 1)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Nguồn số 15: Bụi từ công đoạn sản xuất lắp ráp (Dây chuyền tinh chế 2)
- Nguồn số 16: Bụi từ công đoạn chà nhám (Dây chuyền chà nhám)
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng bụi số 14,15,16:

Bảng 4. 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 14,15,16

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=0,9$; $K_v=1$)
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-
2	Bụi	mg/Nm ³	180

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ $K_p = 0,9$: do lưu lượng nguồn thải số 14 là 50.000 m³/h, nguồn thải số 15 là 23.000 m³/h, lưu lượng nguồn thải số 16 là 42.500 m³/h ($20.000 \leq P \leq 100.000$ m³/h).

+ $K_v = 1$: Nhà máy nằm trong khu công nghiệp.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Không có

4.4. Yêu cầu quản lý chất thải

4.4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt

- Khối lượng chất thải phát sinh: khoảng 53kg /ngày.
- Thiết bị, khu vực lưu chứa: Công ty đã trang bị các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại các vị trí dễ nhìn thấy trong khu vực nhà máy, nhà ăn, khu vực sinh hoạt của công nhân để thu gom chất thải sinh hoạt của công nhân.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Khu vực lưu chứa: Toàn bộ lượng rác thải này được thu gom tập kết tại vị trí phía trước nhà máy để đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

4.4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng, chủng loại:

Bảng 4. 4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Thành phần chất thải	Số lượng
1	Gỗ bìa, gỗ vụn, sản phẩm bị lỗi, ...	60 tấn/tháng
2	Mùn cưa, dăm bào, ...	27 tấn/ tháng
3	Bao bì hỏng không nhiễm thành phần nguy hại	11 kg/tháng
4	Tro xỉ từ quá trình đốt lò sấy	105 kg/tháng

- Thiết bị, khu vực lưu chứa:

+ Gỗ bìa, gỗ vụn, sản phẩm lỗi và mùn cưa, dăm bào: thu gom đưa về các nhà thu bụi để lưu chứa. Sau đó tận dụng làm nhiên liệu cho lò đốt.

+ Bao bì hỏng: tập kết tại khu vực chứa rác thải sinh hoạt để đơn vị thu gom, vận chuyển.

+ Tro xỉ từ quá trình đốt lò sấy: Nhà máy thu gom vào bao chứa và làm phân bón cho gốc cây trồng.

4.4.3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

- Khối lượng, chủng loại:

Bảng 4. 5. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	25	16 01 06
2	Cặn dầu thải	Lỏng	105	17 07 03
3	Bao bì cứng thải bằng kim	Rắn	75	18 01 02

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 49

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
	loại			
4	Các loại vật dụng nhiễm dầu thải như: giẻ lau, bao tay, ...	Rắn	205	18 02 01
5	Ắc quy thải	Rắn	1	19 06 01
6	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	4	08 02 04
7	Thiết bị, linh kiện điện tử thải bỏ	Rắn	40	16 01 13
Tổng			455	

Nguồn: Công ty TNHH Trường Sơn

- Thiết bị, khu vực lưu chứa:

+ Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa PVC loại 240L, 120L tại kho chứa CTNH để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

+ Khu vực lưu chứa: kho chứa CTNH ở phía Tây của nhà máy có diện tích 6m².

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Không có

5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:

Năm 2022 và năm 2023, nhà máy đã thực hiện quan trắc môi trường khí thải định kỳ. Theo Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2023 thì nhà máy đã thực hiện quan trắc như sau:

❖ **Kết quả quan trắc tại khu vực làm việc của nhà máy**

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần
- Thời gian thực hiện:
- + Đợt 1 năm 2023: thực hiện vào ngày 05/06/2023
- + Đợt 2 năm 2023: thực hiện vào ngày 01/12/2023

❖ **Số lượng mẫu: 02 mẫu**

❖ **Vị trí quan trắc:**

- + KK1: Khu vực nhúng tấm phun sơn
- + KK2: Khu vực phân xưởng sản xuất
- + KK3: Khu vực nhà hút bụi
- + KK4: Khu vực trước lò sấy
- + KK5: Khu vực cửa xẻ CD

❖ **Chỉ tiêu phân tích: Nhiệt độ, Tiếng ồn, Bụi, Khí CO, NO₂, THC.**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.
 Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bảng 5. 1. Kết quả môi trường không khí năm 2023

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Mẫu số	Nhiệt độ	Tiếng ồn	Bụi	Khí CO	Khí NO ₂	THC
			°C	dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	KK1	Mẫu 01	31	78	2,75	4,57	0,28	1,27
		Mẫu 02	27	77	2,62	4,86	0,25	1,42
2	KK2	Mẫu 01	32	82	2,21	4,68	0,21	0,35
		Mẫu 02	28	81	2,38	3,72	0,16	0,25
3	KK3	Mẫu 01	31	79	1,71	3,89	0,016	0,21
		Mẫu 02	28	78	1,29	3,54	0,12	0,16
4	KK4	Mẫu 01	32	75	1,58	6,73	0,21	0,46
		Mẫu 02	29	73	1,24	5,91	0,19	0,34
5	KK5	Mẫu 01	32	82	2,41	5,39	0,26	0,67
		Mẫu 02	28	82	2,67	5,14	0,22	0,58
QCVN 02:2019/BYT			-	-	≤ 6	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT			-	-	-	≤ 40	≤ 10	-
QCVN 24:2016/BYT			-	≤ 85	-	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT			≤ 32	-	-	-	-	-

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường, tháng 06/2023 và tháng 12/2023.

Ghi chú: - “ – ”: Không phát hiện

- Mẫu 01: Mẫu lấy vào ngày 05/06/2023

- Mẫu 02: Mẫu lấy vào ngày 01/12/2023

- QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- QCVN 24: 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26: 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép của vi khí hậu tại nơi làm việc của Bộ Y tế.

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc đợt tháng 06/2023 và đợt tháng 12/2023 thì tất cả các kết quả phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

❖ **Kết quả quan trắc tại ống khói lò sấy của nhà máy**

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần
- Thời gian thực hiện:
 - + Đợt 1 năm 2023: thực hiện vào ngày 05/06/2023
 - + Đợt 2 năm 2023: thực hiện vào ngày 01/12/2023
- Số lượng mẫu: 02 mẫu
- Vị trí quan trắc: Tại ống khói lò sấy của nhà máy
- Chỉ tiêu phân tích: Bụi tổng, Khí CO, SO₂, NO_x, Lưu lượng.

Bảng 5. 2. Kết quả phân tích khí thải lò sấy của nhà máy

STT	Các chỉ tiêu	Mẫu số	Đơn vị	Kết quả
1	Bụi tổng	Mẫu 01	mg/Nm ³	97
		Mẫu 02	mg/Nm ³	104
2	Khí CO	Mẫu 01	mg/Nm ³	735
		Mẫu 02	mg/Nm ³	776
3	SO ₂	Mẫu 01	mg/Nm ³	66
		Mẫu 02	mg/Nm ³	47
4	NO _x	Mẫu 01	mg/Nm ³	53
		Mẫu 02	mg/Nm ³	60
5	Lưu lượng	Mẫu 01	m ³ /h	6206
		Mẫu 02	m ³ /h	5392

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường, tháng 06/2023 và tháng 12/2023.

Ghi chú: - Mẫu 01: Mẫu lấy vào ngày 05/06/2023

- Mẫu 02: Mẫu lấy vào ngày 01/12/2023

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của dự án

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
Trong giai đoạn vận hành ổn định				
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi phun sơn	08/2024	11/2024	100% công suất
2	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	08/2024	11/2024	100% công suất

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu

Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu phân tích	Tần suất	Lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu
Bụi, khí thải từ dây chuyền phun sơn					
Giai đoạn vận hành ổn định	Đầu ra 2 ống thoát công trình xử lý hơi dung môi phun sơn.	1 ngày/lần (03 ngày liên tiếp)	Lần 1	10/07/2024	Trung tâm QTMT tỉnh Bình Định hoặc đơn vị

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu phân tích	Tần suất	Lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu
	Tọa độ ống 1: X = 1523492.675; Y = 596554.532. Tọa độ ống 12: X = 1523453.651; Y = 596556.479 Chỉ tiêu phân tích: Lưu lượng, bụi, Toluen, Benzen		Lần 2	11/07/2024	có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
			Lần 3	12/07/2024	
Bụi, khí thải từ ống khói lò sấy					
Giai đoạn vận hành ổn định	Đầu ra ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Tọa độ X = 1523477.126; Y = 596340.110. -Chỉ tiêu phân tích: Lưu lượng, bụi, SO ₂ , NO _x , CO.	1 ngày/lần (03 ngày liên tiếp)	Lần 1	10/07/2024	Trung tâm QTMT tỉnh Bình Định hoặc đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
			Lần 2	11/07/2024	
			Lần 3	12/07/2024	

Ghi chú: Phương thức lấy mẫu gồm 01 mẫu đơn, trong 3 ngày liên tiếp và tiến hành gửi mẫu phân tích.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ

❖ Bụi, khí thải từ dây chuyền phun sơn

- 01 mẫu khí thải tại ống thoát số 01 công trình xử lý hơi dung môi phun sơn 01, tọa độ X = 1523492.675; Y = 596554.532.

- 01 mẫu khí thải tại ống thoát số 12 công trình xử lý hơi dung môi phun sơn 06, tọa độ X = 1523453.651; Y = 596556.479.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, Toluene, Benzen.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

Ghi chú: Vì các ống thoát khí của tháp xử lý bụi sơn màng nước có công suất điện và lưu lượng như nhau nên nhà máy đề xuất lấy mẫu 2 ống thoát đầu và cuối để đánh giá kết quả chung của hệ thống tháp xử lý bụi sơn kiểu màng nước.

❖ Bụi, khí thải từ lò sấy

- 01 mẫu khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, tọa độ X = 1523477.126; Y = 596340.110.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, SO₂, NO_x, khí CO.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không có

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường

Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Công việc	Thành tiền
1	Chi phí quan trắc chất lượng khí thải (3 tháng/lần)	8.000.000

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 57

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 lần/năm)	2.000.000
Tổng cộng		10.000.000

Ghi chú: Chi phí trên chỉ mang tính chất tương đối trong quá trình lập dự toán

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thời gian hoạt động trong 2 năm qua đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Công ty TNHH Trường Sơn chưa có văn bản kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Trường Sơn cam kết về các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chủ nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp không chế, phòng chống sự cố và giảm thiểu các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án đã nêu cụ thể trong báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về quản lý môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường dự án, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.
- Các biện pháp không chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại của dự án tới môi trường đã được đưa ra trong báo cáo là những biện pháp khả thi, bảo đảm đạt Tiêu chuẩn và Quy chuẩn môi trường Việt Nam.
- Cam kết bồi thường và khắc phục các sự cố, rủi ro gây ô nhiễm môi trường xảy ra do triển khai dự án.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

PHỤ LỤC

STT	Các văn bản
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100375433 đăng ký lần đầu ngày 13/07/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
2	Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 667 ngày 06/05/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp.
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
4	Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng.
5	Giấy chứng nhận doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp số 38/CN-KCN-BĐ ngày 15/01/2004 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Định thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp.
6	Văn bản số 1183/UBND-NN ngày 29/08/2000 V/v chấp thuận địa điểm để Công ty TNHH Trường Sơn chuẩn bị đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến lâm sản xuất khẩu.
7	Văn bản số 115/BQL ngày 01/08/2000 V/v đề nghị giao địa điểm cho Công ty TNHH Trường Sơn để xây dựng xưởng chế biến lâm sản.
8	Chứng chỉ quy hoạch số 156/CCQH-BQL ngày 08/05/2009.
9	Văn bản số 383/BQL-VPDD ngày 31/03/2020 V/v thỏa thuận QH TMB điều chỉnh Lô B53, KCN Phú Tài của Công ty TNHH Trường Sơn.
10	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 283/TD-PCCC ngày 06/10/2021.
11	Biên bản kiểm tra Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 13/01/2022.
12	Biên bản nghiệm thu hệ thống thiết bị lò hơi, lò sấy số 101017/BBNT ngày

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 61

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

Địa điểm thực hiện: Lô B53, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Các văn bản
	16/01/2019.
13	Hợp đồng sơ bộ số 21/HĐSB-TLĐ-A ngày 25/12/2007 V/v Thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.
14	Hợp đồng số 21/HĐ-TLĐ-A ngày 03/12/2008 V/v Thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.
15	Hợp đồng bổ sung số 21B/2017/HĐBS-TLĐ-A ngày 08/09/2017 V/v Thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài.
16	Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải số 109/2020/HĐ-XLNT ngày 01/06/2020.
17	Hợp đồng dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 170/2022/HĐDVVS – DDMT ngày 01/11/2022.
18	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 45/2024/HĐKT ngày 03/01/2024.
19	Hóa đơn tiền điện tháng 05/2023 đến tháng 05/2024.
20	Hóa đơn tiền nước tháng 05/2023 đến tháng 05/2024.
21	Phiếu xuất mẫu quan trắc năm 2022 và 2023.
22	Các bản vẽ.